

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

I. Kế hoạch dạy học

Cả năm (140 tiết)	Đại số (69 tiết)	Hình học (71 tiết)
Học kì I 18 tuần (72 tiết) <i>(Trung bình 4 tiết/ tuần)</i>	40 tiết 4 tuần đầu x 3 tiết/ tuần = 12 tiết 14 tuần cuối x 2 tiết/ tuần = 28 tiết	32 tiết 4 tuần đầu x 1 tiết/ tuần = 4 tiết 14 tuần cuối x 2 tiết/ tuần = 28 tiết
Học kì II 17 tuần (68 tiết) <i>(Trung bình 4 tiết/ tuần)</i>	29 tiết 5 tuần đầu x 1 tiết/ tuần = 5 tiết 12 tuần cuối x 2 tiết/ tuần = 24 tiết	39 tiết 5 tuần đầu x 3 tiết/ tuần = 15 tiết 12 tuần cuối x 2 tiết/ tuần = 24 tiết

Trong đó: + Thực hành trải nghiệm: 05; + Chuyên đề học tập: 34.

GIẢI TÍCH 11

Tuần	Bài học (1)	Số tiết (2)	Tiết PPCT	Yêu cầu cần đạt	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)
CHƯƠNG I. HÀM SỐ LƯỢNG GIÁC VÀ PHƯƠNG TRÌNH LƯỢNG GIÁC						

1	§1. Góc lượng giác. Giá trị lượng giác của góc lượng giác	3	1	– Nhận biết được các khái niệm cơ bản về góc lượng giác: khái niệm góc lượng giác; số đo của góc lượng giác; hệ thức Chasles cho các góc lượng giác; đường tròn lượng giác.	Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, phần, thước kẻ, máy chiếu.	Lớp học
			2	– Nhận biết được khái niệm giá trị lượng giác của một góc lượng giác.		
			3	– Mô tả được bằng giá trị lượng giác của một số góc lượng giác thường gặp; hệ thức cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc lượng giác; quan hệ giữa các giá trị lượng giác của các góc lượng giác có liên quan đặc biệt: bù nhau, phụ nhau, đối nhau, hơn kém nhau π . – Sử dụng được máy tính cầm tay để tính giá trị lượng giác của một góc lượng giác khi biết số đo của góc đó. – Mô tả được các phép biến đổi lượng giác cơ bản: công thức cộng; công thức góc nhân đôi; công thức biến đổi tích thành tổng và công thức biến đổi tổng thành tích. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với giá trị lượng giác của góc lượng giác và các phép biến đổi lượng giác.		
2	§2. Các phép biến đổi lượng giác	3	4	– Mô tả được các phép biến đổi lượng giác cơ bản: công thức cộng; công thức góc nhân đôi; công thức biến đổi tích thành tổng và công thức biến đổi tổng thành tích.	Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, phần, thước kẻ, máy chiếu.	Lớp học
			5	– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với giá trị lượng giác của góc lượng giác và các phép biến đổi lượng giác.		
			6			

5	§1. Dãy số	2	14	– Nhận biết được dãy số hữu hạn, dãy số vô hạn. – Thể hiện được cách cho dãy số bằng liệt kê các số hạng; bằng công thức tổng quát; bằng hệ thức truy hồi; bằng cách mô tả.	Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, phần, thước kẻ, máy chiếu.	Lớp học
6			15	– Nhận biết được tính chất tăng, giảm, bị chặn của dãy số trong những trường hợp đơn giản.		
7						
8	§3. Cấp số nhân	2	18	– Nhận biết được một dãy số là cấp số nhân. – Giải thích được công thức xác định số hạng tổng quát của cấp số nhân – Tính được tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số nhân.	Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, phần, thước kẻ, máy chiếu.	Lớp học
	19		– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với cấp số nhân để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: một số vấn đề trong Sinh học, trong Giáo dục dân số,...).			
	Bài tập cuối chương II	1	20	Ôn tập chương II		
CHƯƠNG III. GIỚI HẠN. HÀM SỐ LIÊN TỤC						

9	§1. Giới hạn của dãy số	3	21	- Nhận biết được khái niệm giới hạn của dãy số. - Giải thích được một số giới hạn cơ bản như:$\lim_{n \rightarrow +\infty} \frac{1}{n^k} = 0 \text{ (} k \in \mathbb{N}^* \text{); } \lim_{n \rightarrow +\infty} q^n = 0 \text{ (} q < 1 \text{);}$$\lim_{n \rightarrow +\infty} c = c$với c là hằng số. - Vận dụng được các phép toán giới hạn dãy số để tìm giới hạn của một số dãy số đơn giản (ví dụ: $\lim_{n \rightarrow +\infty} \frac{2n+1}{n}$; $\lim_{n \rightarrow +\infty} \frac{\sqrt{4n^2+1}}{n}$). - Tính được tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn và vận dụng được kết quả đó để giải quyết một số tình huống thực tiễn giả định hoặc liên quan đến thực tiễn.	Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, phần, thước kẻ, máy chiếu.	Lớp học
	Kiểm tra giữa học kì I		22			
10	§1. Giới hạn của dãy số	3	23	- Nhận biết được khái niệm giới hạn của dãy số. - Giải thích được một số giới hạn cơ bản như:$\lim_{n \rightarrow +\infty} \frac{1}{n^k} = 0 \text{ (} k \in \mathbb{N}^* \text{); } \lim_{n \rightarrow +\infty} q^n = 0 \text{ (} q < 1 \text{);}$$\lim_{n \rightarrow +\infty} c = c$với c là hằng số.	Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, phần, thước kẻ, máy chiếu.	Lớp học
			24	- Vận dụng được các phép toán giới hạn dãy số để tìm giới hạn của một số dãy số đơn giản - Tính được tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn và vận dụng được kết quả đó để giải quyết một số tình huống thực tiễn giả định hoặc liên quan đến thực tiễn.		
				- Vận dụng được các phép toán giới hạn dãy số để tìm giới hạn của một số dãy số đơn giản - Tính được tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn và vận dụng được kết quả đó để giải quyết một số tình huống thực tiễn giả định hoặc liên quan đến thực tiễn.		

11	§2. Giới hạn của hàm số	4	25	- Nhận biết được khái niệm giới hạn hữu hạn của hàm số, giới hạn hữu hạn một phía của hàm số tại một điểm. - Nhận biết được khái niệm giới hạn hữu hạn của hàm số tại vô cực và mô tả được một số giới hạn cơ bản như: $\lim_{x \rightarrow +\infty} \frac{c}{x^k} = 0, \lim_{x \rightarrow -\infty} \frac{c}{x^k} = 0$ với c là hằng số và k là số nguyên dương.	Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, phần, thước kẻ, máy chiếu.	Lớp học
12			26			
			27	Nhận biết được khái niệm giới hạn vô cực (một phía) của hàm số tại một điểm và hiểu được một số giới hạn cơ bản như:		
			28	$\lim_{x \rightarrow a^+} \frac{1}{x - a} = +\infty; \lim_{x \rightarrow a^-} \frac{1}{x - a} = -\infty.$ - Tính được một số giới hạn hàm số bằng cách vận dụng các phép toán trên giới hạn hàm số. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với giới hạn hàm số.		
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM						
14	Chủ đề 1. Một số hình thức đầu tư tài chính	3	32		Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, phần, thước kẻ, máy chiếu.	Lớp học
15			33			
			34			
CHƯƠNG V. MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT						

16	§1. Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu ghép nhóm	5	35	– Tính được các số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu ghép nhóm: số trung bình cộng (hay số trung bình), trung vị (<i>median</i>), tứ phân vị (<i>quartiles</i>), mốt (<i>mode</i>). – Hiểu được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. – Rút ra được kết luận nhờ ý nghĩa của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản. – Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức của các môn học khác trong Chương trình lớp 11 và trong thực tiễn.	Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, phân, thước kẻ, máy chiếu.	Lớp học
17			36			
			37			
			38			
18			39			
KIỂM TRA CUỐI HKI			40			

HÌNH HỌC 11

Tuần	Bài học (1)	Số tiết (2)	Tiết PPCT	Yêu cầu cần đạt	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)
------	----------------	----------------	--------------	-----------------	-------------------------	----------------------------

CHƯƠNG IV. ĐƯỜNG THẲNG VÀ MẶT PHẪNG TRONG KHÔNG GIAN. QUAN HỆ SONG SONG						
1	§1. Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian	4	1	Nhận biết được các quan hệ liên thuộc cơ bản giữa điểm, đường thẳng, mặt phẳng trong không gian. – Mô tả được ba cách xác định mặt phẳng (qua ba điểm không thẳng hàng; qua một đường thẳng và một điểm không thuộc đường thẳng đó; qua hai đường thẳng cắt nhau). – Xác định được giao tuyến của hai mặt phẳng; giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng. – Vận dụng được các tính chất về giao tuyến của hai mặt phẳng; giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng vào giải bài tập. – Nhận biết được hình chóp, hình tứ diện. – Vận dụng được kiến thức về đường thẳng, mặt phẳng trong không gian để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.	Kế hoạch bài dạy, PHT, phần, thước kẻ, máy chiếu.	Lớp học
2			2			
3			3			
4			4			
			8	– Giải thích được tính chất cơ bản về đường thẳng song song với mặt phẳng. – Vận dụng được kiến thức về đường thẳng song song với mặt phẳng để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.		
7	§4. Hai mặt phẳng song song	2	9	– Nhận biết được hai mặt phẳng song song trong không gian. – Giải thích được điều kiện để hai mặt phẳng song song	Kế hoạch bài dạy, PHT, phần, thước kẻ, máy chiếu.	Lớp học
			10			

				– Giải thích được tính chất cơ bản về hai mặt phẳng song song. – Giải thích được định lí Thalès trong không gian. – Giải thích được tính chất cơ bản của lăng trụ và hình hộp. – Vận dụng được kiến thức về quan hệ song song để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.		
8	§5. Hình lăng trụ và hình hộp	2	11	– Giải thích được tính chất cơ bản của lăng trụ và hình hộp. – Vận dụng được kiến thức về quan hệ song song để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.	Kế hoạch bài dạy, PHT, phần, thước kẻ, máy chiếu.	Lớp học
			12			
			KIỂM TRA GIỮA HKI		14	

Kế hoạch dạy học này thuộc tài liệu Vip

Kế hoạch dạy học đã được bỏ một phần nội dung

Để tải tài liệu này bản đầy đủ các bạn nhắn tin qua số Zalo: 03 98 98 27 21

Trân trọng!